

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày 26-02-2020
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hạnh

Bà Phạm Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Hoàng Hải Bình - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 624/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị H; nơi cư trú: Số 11/17 T, phường H, quận H, thành phố H; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đức S; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 14/79 H, phường A, quận L, thành phố H; hiện đang chấp hành án tại Phân trại số 2, Trại giam T, tỉnh T; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 18 tháng 11 năm 2019 và tại các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là bà Ngô Thị H trình bày:

Bà Ngô Thị H và ông Nguyễn Đức S kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 2002, được gia đình hai bên đồng ý và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

phường A, quận L, thành phố H vào ngày 25/6/2002, đến nay có hai con chung. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do ông S nghiện ma túy, ham cờ bạc, không có công ăn việc làm, thường xuyên về nhà chửi bới, đánh đập vợ con. Bà H nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông S không thay đổi. Ngày 28/9/2018, ông S bị Tòa án nhân dân thành phố U, tỉnh Q xử phạt 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam T, huyện N, tỉnh T. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ nên bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Đức S.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thùy A, sinh ngày 03/02/2003 và Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 08/9/2008. Bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con đến khi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án do ông Nguyễn Đức S đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam T, tỉnh T nên không thể có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án nhân dân quận Lê Chân đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh T thực hiện việc tổng đạt văn bản và lấy lời khai của ông S.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 25/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh T, ông S trình bày: Ông nhất trí với trình bày của bà H về điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung. Quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn nhưng do ông nghiện ma túy, đến ngày 28/9/2018, ông bị Tòa án nhân dân thành phố U, tỉnh Q xử phạt 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam T, tỉnh T nên tình cảm vợ chồng dần xa cách. Nay bà H xin ly hôn, ông nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn.

Về con chung: Ông đồng ý giao cả hai con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục về pháp luật tố tụng tại phiên tòa; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định về pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Bà Ngô Thị H và ông Nguyễn Đức S kết hôn từ năm 2002 và thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận L, thành phố H vào ngày 25/6/2002 nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống do ông S mắc nghiện ma túy nên vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, ngày 28/9/2018 ông S bị Tòa án nhân dân thành phố U, tỉnh Q xử phạt 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam T, huyện N, tỉnh T. Xét bà H và ông S không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho bà H ly hôn ông S theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Bà H và ông S có hai con chung là Nguyễn Thùy A, sinh ngày 03/02/2003 và Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 08/9/2008. Cả hai con chung đều có nguyện vọng được ở với bà H, đồng thời các bên đã thỏa thuận giao cả hai con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi; việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét yêu cầu trên là phù hợp, cần chấp nhận.

Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu về tài sản chung nên không xem xét.

Về án phí: Bà Ngô Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; theo đơn khởi kiện, trình bày của đương sự thể hiện: Ông Nguyễn Đức S đăng ký thường trú và sinh sống trước khi đi chấp hành án phạt tù ở số 14/79 H, phường A, quận L, thành phố H. Căn cứ các điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án khởi kiện xin ly hôn giữa nguyên đơn là bà Ngô Thị H và bị đơn là ông Nguyễn Đức S thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Ngô Thị H và ông Nguyễn Đức S.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị H và ông Nguyễn Đức S kết hôn từ năm 2002 và thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A,

quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng vào ngày 25/6/2002 nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp.

[4] Quá trình chung sống: Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn đến năm 2003 thì nảy sinh mâu thuẫn do ông S mắc nghiện ma túy dẫn đến không quan tâm đến gia đình, thường xuyên chửi bới, đánh đập vợ con. Bà H đã cố gắng tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Ngày 28/9/2018 ông S bị Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam T, tỉnh T. Từ đó vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau về mọi mặt. Quá trình giải quyết vụ án, ông S cũng khẳng định do ông nghiện ma túy và vi phạm pháp luật phải chấp hành án phạt tù nên tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, không thể hàn gắn được nên bà H xin ly hôn ông đồng ý. Bởi vậy bà H yêu cầu được ly hôn ông S là phù hợp với thực tế, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung: Bà H và ông S có hai con chung là Nguyễn Thùy A, sinh ngày 03/02/2003 và Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 08/9/2008. Quá trình giải quyết vụ án hai bên đã thỏa thuận đề nghị Tòa án giải quyết giao cả hai con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên vọng của các bên là phù hợp với thực tế, phù hợp nguyện vọng của các con và quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: Bà H và ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Bà H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị H được ly hôn ông Nguyễn Đức S.

- Về con chung: Giao cả hai con là Nguyễn Thùy A, sinh ngày 03/02/2003 và Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 08/9/2008 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Bà Ngô Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà H đã nộp đủ số tiền án phí là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013614 ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND quận Lê Chân;
- Các đương sự;
- UBND phường A, L, H (GCNKH ngày 25/6/2002);
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thùy Linh